TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **104** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2018
V/v " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rạt;

2. Ông Nguyễn Chí Lin;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Mai Thị Hồng Đ, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Tấn D năm 1981.

Địa chỉ: khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Chị Đ có mặt, anh D vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2018, nguyên đơn chị Mai Thị Hồng Đ trình bày: Chị Đ và anh D cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh D không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường gây gỗ, cãi nhau. Chị Đ đã ly thân anh D từ tháng 5 năm 2017 đến nay. Nay chị Đ khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Chị Mai Thị Hồng Đ yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn D.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 19/6/2006, hiện đang sống với chị Đ. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Mai Thị Hồng Đ không bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ các yêu cầu, ý kiến trình bày.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn D vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng cho anh Nguyễn Tấn D theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh D biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với chị Đ, có ký nhận các thủ tục nhưng anh D không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của chị Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Mai Thị Hồng Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn D, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Tấn D đã được tiệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết xét xử vắng mặt bị đơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 13/7/2005 nên hôn nhân giữa chị Đ và anh D là hôn nhân hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Đ đối với anh D: Chị Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, anh D không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng hay gây cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Xét chị Đ có trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay và cương quyết ly hôn. Tòa án đã triệu tập anh D nhiều lần để hòa giải nhưng anh D vẫn cố tình vắng mặt, không có ý kiến cũng như không cung cấp ý kiến về việc chị Đ xin ly hôn cho thấy anh D không có thiện chí hàn gắn. Từ đó, HĐXX xét hôn nhân giữa chị Đ với anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, nên chị Đ yêu cầu xin ly hôn với anh D là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: Chị Đ trình bày có một con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 19/6/2006, hiện đang sống với chị Đ. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét theo nguyện vọng của con chung tại bản tự khai ngày 24/4/2018 thì cháu Nguyễn Ngọc Như Y có nguyện vọng được sống với chị Đ. Do đó, HĐXX thấy chị Đ yêu cầu tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Ngọc Như Y là đúng nguyện vọng của con, phù hợp các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh Nguyễn Tấn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mai Thị Hồng Đ xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh D vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ giải quyết. Nếu sau này, giữa chị Đ và anh D có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[4].Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn chị Mai Thị Hồng Đ phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 BLTTDS năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Mai Thị Hồng Đ với anh Nguyễn Tấn D.

Chị Mai Thị Hồng Đ được ly hôn với anh Nguyễn Tấn D.

2. Về con chung: Chị Mai Thị Hồng Đ được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 19/6/2006, hiện đang sống với chị Đ.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Tấn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Đ không yêu cầu.

4. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

5. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mai Thị Hồng Đ xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Mai Thị Hồng Đ phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị Đ đã nộp theo biên lai số 0002449 ngày 26/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Chị Mai Thị Hồng Đ đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án".

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H (để biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Khắc Linh Duy